\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TUẦN 31**

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Đặt và trả lời câu hỏi vì sao?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

- Củng cố cho học sinh nắm chắc cách đặt và câu hỏi Vì sao? (Dùng nói để hỏi, trả lời về nguyên nhân).

- Rèn kĩ năng xác định bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? Trả lời đúng câu hỏi Vì sao? trong các bài tập; Biết phối hợp với bạn để ôn lại kiến thức đã học; Đánh giá được bài làm của bạn, của mình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ trong học tập.

- Giáo dục HS yêu Tiếng Việt, vận dụng nói, viết hợp lí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Yêu cầu HS cho ví dụ câu văn có bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao ?  - Cho HS trao đổi theo nhóm 2 thực hiện các yêu cầu:  Gạch chân bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? trong câu văn đó.  - Bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? thường đứng ở vị trí nào trong câu ?  - Khi đứng đầu câu, bộ phận này thường bắt đầu bằng từ nào và ngăn cách với các bộ phận khác bằng dấu gì ?  - Khi đứng ở cuối câu bộ phận này thường nối với các bộ phận khác bằng từ nào ?  \* Khuyến khích HS trả lời: Câu hỏi Vì  sao thường dùng để hỏi về nội dung gì?  *- Chốt: Đặt và trả lời câu hỏi Vì sao - nói về nguyên nhân; khi đứng đầu câu ngăn cách bằng dấu phẩy.* | - Một vài HS cho ví dụ.  - HS làm bài theo nhóm 2, cử đại diện từng nhóm trả lời theo yêu cầu.  - 1 HS gạch trên bảng lớp.  + Đứng ở đầu câu hoặc cuối câu.  + Thường bắt đầu bằng từ *do, vì, tại vì, bởi, ...* và ngăn cách với các bộ phận khác bằng dấu phẩy.  + Khi đứng ở cuối câu bộ phận này thường nối với các bộ phận khác bằng các từ *do, vì, tại vì, bởi, ...* (không có dấu phẩy ngăn cách).  + Hỏi về nguyên nhân.  - Ghi nhớ. |
| **2. Luyện tập** |  |
| **Bài 1:** Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi vì sao?  a. Trẻ em thích đi xem hội vì được biết nhiều điều lạ và ở đó rất vui.  b. Thủ môn của đội bóng đá 3B không ra sân vì bị đau chân.  c. Chúng tôi rất thích đi dã ngoại vì đi dã ngoại được biết rất nhiều điều thú vị .  - Gọi HS nhận xét, chữa bài.  -Bộ phận trả lời câu hỏi *Vì sao?* nêu ý gì?  *- Chốt: Tác dụng của bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao?*  **Bài 2:** Dùng câu hỏi *Vì sao?* (hoặc *Do đâu? Tại sao?*) để hỏi cho những bộ phận câu gạch dưới:  a. Bạn Hoà và bạn Lê giận nhau chỉ vì một chuyện nhỏ.  b. Các bạn ở vùng sâu phải đi học bằng thuyền vì lũ lớn.  c. Do có nhiều cố gắng trong học tập, Hùng đã được nhận phần thưởng dành cho người tiến bộ nhất trong tháng.  - Gọi HS nhận xét, chữa bài.  - Khi đặt câu hỏi, các từ để hỏi (vì sao, tại sao, do đâu) thường đặt ở vị trí nào trong câu ?  *- Chốt: Cách đặt câu hỏi Vì sao để hỏi về nguyên nhân.*  **Bài 3:** Đặt câu nói về mỗi sự việc sau trong đó có bộ phận trả lời câu hỏi *Vì sao?*  a. Em bé bị ngã.  b. Bạn Hùng được chọn đi thi cờ vua ở trường.  c. Lớp 3A hoãn tổ chức Hội vui học tập.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.  \* Khuyến khích HS viết nhiều câu khác nhau cho mỗi phần.  - Kiểm tra một số bài, chữa bài.  - Chốt lại các đáp án đúng.  *- Chốt: Cách viết câu có bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? để nói về nguyên nhân.*  **3. Vận dụng**:  Câu hỏi Vì sao thường dùng để hỏi về nội dung gì?  - Nói cho nhau nghe 1-2 câu có câu hỏi Vì sao?  - GV: Nhận xét tuyên dương.  Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS xác định yêu cầu làm bài vào vở.  - Chữa bài trên bảng lớp.  a. Trẻ em thích đi xem hội vì được biết nhiều điều lạ và ở đó rất vui.  b. Thủ môn của đội bóng đá 3B không ra sân vì bị đau chân.  c. Chúng tôi rất thích đi dã ngoại vì đi dã ngoại được biết rất nhiều điều thú vị .  - HS nhận xét, chữa bài.  + Nêu nguyên nhân, lí do của sự việc được nói đến trong câu.  - Ghi nhớ.  - HS đọc yêu cầu.  - Một số HS làm bài trên bảng lớp.  a) **Tại sao** bạn Hoa và bạn Lê giận nhau ?  b) **Vì sao** các bạn ở vùng sâu phải đi học bằng thuyền ?  c) **Do đâu** Hùng đã được nhận phần thưởng dành cho người tiến bộ nhất trong tháng ?  - HS nhận xét bài trên bảng lớp, HS dưới lớp đổi chéo vở kiểm tra bài.  + Thường đặt ở đầu câu (để nhấn mạnh ý muốn hỏi).  - Ghi nhớ.  - HS xác định yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - 1 số HS nêu câu của mình :  a. Em bé bị ngã vì vấp phải viên gạch trên đường.  b. Bạn Hùng được chọn đi thi cờ vua ở trường vì bạn ấy chơi cờ vua giỏi.  c. Lớp 3A hoãn tổ chức Hội vui học tập vì chưa chuẩn bị xong các trò chơi.  - Theo dõi.  - Ghi nhớ.  - HS trình bày  - Hỏi về nguyên nhân  -HS nói theo cặp đôi.  - Đại diện các nhóm báo cáo.  - HS nhận xét bổ sung. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Câu cảm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

- HS nắm được cấu tạo và tác dụng của câu cảm, nhận diện được câu cảm.

- Biết đặt và sử dụng câu cảm.

- HS có ý thức sử dụng câu cảm trong cuộc sống hàng ngày.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thể hiện hiểu biết và ý thức bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Yêu cầu HS lấy ví dụ về câu cảm.  - Câu cảm là câu dùng để làm gì?  - Trong câu cảm thường có những từ ngữ nào?  - Khi viết cuối câu cảm thường có dấu gì?  - GV nhận xét, chốt nội dung về câu cảm.  **2.Luyện tập** | - HS nối tiếp nhau lấy ví dụ.  - Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên... của người nói.  - Trong câu cảm thường có những từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật,...  - Khi viết cuối câu cảm thường có dấu chấm than.  - Ghi nhớ. |
| **Bài 1:** Đặt câu cảm, trong đó có:  a/ Một trong các từ: *ôi chao, A, chà* đứng trước.  b/ Một trong các từ *lắm, quá, thật* đứng cuối câu.  - Cho HS đặt câu vào vở, HS chữa bài.  - GV cùng HS nhận xét.  *=> GV củng cố cho HS cách đặt câu cảm.*  **Bài 2:** Chuyển các câu kể sau thành câu cảm:  a/ Bông hồng này đẹp.  b/ Gió thổi mạnh.  c/ Cánh diều bay cao.  d/ Em bé bụ bẫm.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở, chữa bài.  *=> Củng cố cho HS cách chuyển câu kể thành câu cảm.*  **Bài 3:** GV treo bảng phụ  Gạch dưới các từ thể hiện cảm xúc trong mỗi câu sau:  a, Ôi, tôi đau chân quá!  b, Ôi chao, công viên này mới rộng làm sao!  c, Ồ, bức tranh đẹp quá!  - Cho HS làm bài theo cặp, trình bày.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  - Các từ thể hiện cảm xúc thường là những từ nào? **Bài 4:** GV treo bảng phụ  Nói rõ cảm xúc trong mỗi câu sau:  a, A, mẹ đã về!  b, Ô, cái áo kia trông lạ quá!  c, Khiếp, con sâu ấy trông thật dễ sợ!  - Cho HS làm bài theo cặp, trình bày.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  *=> Củng cố cho HS về tác dụng của câu cảm.* | - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài vào vở, 1 số HS lên bảng đặt câu.  - HS nhận xét, chữa bài trên bảng  VD: Phần a  + Ôi chao! bạn có cái áo đẹp thế!  + A! bông hoa đẹp quá!  + Chà! con mèo này có bộ lông đẹp thật !  Phần b:  + Bông hoa này đẹp thật!  + Bạn Nga học giỏi thật!  + Cái áo này đẹp lắm!  - Ghi nhớ.  - HS đọc yêu cầu.  - HS lên bảng thực hiện chuyển câu kể thành câu cảm.  a/Ôi ! bông hồng này đẹp quá!  b/ Trời ơi! Gió thổi mạnh quá!  c/Cánh diều bay cao quá!  d/ Em bé bụ bẫm thật !  - HS làm bài vào vở.  - HS nhận xét, đánh giá.  - Ghi nhớ.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Thảo luận cặp đôi tìm các từ thể hiện cảm xúc.  - HS trình bày.  a, Ôi, tôi đau chân quá!  b, Ôi chao, công viên này mới rộng làm sao!  c, Ồ, bức tranh đẹp quá!  - Nhận xét.  - Các từ: ôi, ôi chao, chà, trời, quá, lắm, thật,...  - HS nêu yêu cầu.  - Thảo luận cặp đôi .  - HS trình bày.  a. Thể hiện sự vui mừng.  b. Thể hiện sự ngạc nhiên.  c. Thể hiện sự khiếp sợ.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng**  - Câu cảm là câu dùng để làm gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - 1 vài HS trả lời.  - Lắng nghe.  - Nhận việc. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Cách đặt câu khiến**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

- Thông qua các bài tập củng cố cho HS nắm chắc về câu khiến, cách đặt câu khiến.

- HS tìm đúng câu khiến trong đoạn văn; Biết chuyển câu kể thành câu khiến; bước đầu đặt được câu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp; đặt câu với từ cho trước (hãy, đi, xin) theo cách đã học

**2. Phẩm chất**

- Giáo dục HS yêu Tiếng Việt, vận dụng nói, viết hợp lí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Câu khiến dùng để làm gì?  - Cuối câu khiến thường có dấu gì?  - Có mấy cách để đặt câu khiến, đó là những cách nào?  - Gọi HS nêu ví dụ một câu khiến.  - GV nhận xét, kết luận câu trả lời đúng.  *\*Chốt : Câu khiến (câu cầu khiến) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ... của người nói, người viết với người khác. Khi viết cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm* | - Dùng để nêu y/c, đề nghị, mong muốn của người nói, người viết với người khác.  - Có dấu chấm hoặc chấm than.  - Có 4 cách:  + Thêm các từ *hãy, đừng, chớ nên, ...* vào trước động từ.  + Thêm các từ *lên, đi, thôi, nào,....* vào cuối câu.  + Thêm các từ *đề nghị, xin, mong, ...* vào đầu câu.  + Thay đổi giọng điệu phù hợp với câu khiến.  - HS lấy ví dụ: Em hãy làm bài tập đi! |
| **2. Luyện tập** |  |
| **Bài 1:** Thêm các từ cầu khiến để biến câu kể ***Nam đến.*** thành câu khiến theo các cách dưới đây.  a, Thêm từ *đừng hoặc chớ, nên* vào trước động từ.  b, Thêm từ *đi hoặc thôi, nhé* vào cuối câu.  c, Thêm *đề nghị, xin, mong* vào đầu câu.  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Y/C HS làm bài vào vở.  - GV nhận xét, đánh giá.  *\*Chốt: Cách chuyển câu kể thành câu khiến để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ...*  **Bài 2:** Hãy ghi lại 4 cách đặt câu khiến khác nhau để yêu cầu một người nào đó dừng lại:  a..............................................................  b..............................................................  c..............................................................  d..............................................................  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm bài.  - GV nhận xét, đánh giá.  *\*Chốt: Các cách đặt câu khiến để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn.*  **Bài 3:** Ghi rõ tình huống gắn với từng câu khiến em đã đặt ở bài tập 1.  - Trong trường hợp nào em khuyên bạn đừng đến?  - Trong trường hợp nào em khuyên bạn đến thôi?  - Trong trường hợp nào em mong bạn đến?  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm bài.  - Y/c HS nêu tình huống phù hợp với từng câu khiến.  *\*Chốt: Cách xác định tình huống sử dụng câu khiến cho phù hợp.*  **Bài 4:** Hãy đặt 3 câu khiến, tương ứng với các tình huống sau:  a. Mong bạn làm bài tốt trong kì thi.  b. Xin bố mẹ mua cho chiếc cặp mới.  d, Đề nghị bạn không được vớt rác ra sân trường.  *\*Chốt: Cách đặt câu khiến giữ phép lịch sự phù hợp trong giao tiếp.*  **3. Vận dụng**:  - Nêu cấu tạo và tác dụng của câu khiến? Khi sử dụng câu khiến cần chú ý điều gì?  - Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà xem lại bài và ghi nhớ cách làm. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng. VD:  a, Nam đừng đến.  b, Nam đến thôi!  c, Mong Nam đến.  - Ghi nhớ.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận nhóm đôi. Đại diện một số nhóm báo cáo.  VD: Nga hãy dừng lại.  Nga hãy dừng lại đi!  Nga dừng lại đi!  Mong Nga dừng lại.  - Ghi nhớ.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận theo nhóm 2, làm bài.  - HS nêu. VD: Một nhóm bạn đang chơi đá bóng ở sân vận động. Nam rất thích ra đó để chơi, mặc dù bài tập chưa làm xong. Em khuyên bạn: Nam đừng đến!  - Ghi nhớ.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài cá nhân vào vở  - Lần lượt từng học sinh làm bảng lớp.  - Ghi nhớ.  - HS nêu.  - Nhận việc. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_